TAND HUYỆN S
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/HS-ST
Ngày 14-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hữu Hiền
2. Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên

Ngày 14/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/HSST ngày 07/8/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T – sinh ngày 08/9/1998; trú tại: Thôn T2, xã Y, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Hữu N và bà Bùi Thị T; tiền án; tiền sự: không; tạm giữ: ngày 17/5/2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: ngày 26/5/2017; có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị M– sinh ngày 06/8/1999 (vắng)
Trú tại: Thôn T2, xã Y, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22h ngày 12/5/2017, Nguyễn Thị T ngồi chơi tại gia đình anh Nguyễn Đăng B, ở Thôn T2, xã Y, huyện S cùng với Nguyễn Thị M (con gái ông B). T nhìn thấy chìa khóa xe máy điện của chị M để ở bàn và chiếc xe máy điện BKS 36MĐ1: 240.17 để ở sân trước nhà ông B nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe máy điện. T liền lấy chìa khóa xe máy điện dấu vào trong người, sau đó chào chị M để về nhà. Đến khoảng 4h30’ ngày 13/5/2017, T cầm chìa khóa xe máy điện và đi bộ từ nhà đến nhà ông B. Thấy cửa ngõ nhà ông B mở, T quan sát thấy không có ai, T liền dùng chìa khóa mở ổ điện của xe và điều khiển xe đi dọc theo hướng Quốc lộ 47 đến khu vực thôn 7, xã D, huyện T thì xe yếu pin. T liền dắc xe vào quán mua bán, sửa chữa xe đạp, xe máy điện của anh Nguyễn Văn Q để bán xe. Tại đây T gặp anh Q và anh Lê

Hòa T, ở thôn 7, xã D, huyện T đang ngồi uống nước trước cửa quán. T hỏi anh Q "chú ơi có mua xe không?". Anh Q trả lời: "Chú không mua xe cũ", đồng thời chỉ về phía anh T và nói "có chú này muốn mua xe để đi làm gần nhà, nếu cháu bán cho chú ấy thì được 1.500.000đ". Sau đó anh T hỏi T "có bán không, đưa đăng ký xe đây". T đi bộ ra cách đó khoảng 10m giả vờ lấy điện thoại di động ra, sau đó quay lại và nói: "Đây là xe của chị cháu, hai chị em cháu bí tiền nên muốn bán, đăng ký xe cháu đang để ở nhà, cháu gọi điện cho chị cháu, chị cháu đồng ý bán. Anh T vay của anh Q số tiền là 1.500.000đ và đưa cho T. T cầm tiền và đưa chìa khóa cùng xe máy điện cho anh T.

Ngày 17/5/2017, T đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đầu thú.

Quá trình điều tra cơ quan Công an làm rõ: Anh T mua xe máy điện của T với giá 1.500.000đ. Sau đó anh T bán cho anh Q với giá 2.000.000đ. Anh Q bán xe cho một người tên là L ở thành phố Thanh Hóa (Q không biết rõ họ tên và địa chỉ) với giá là 3.500.000đ. Sau khi được cơ quan Công an huyện S thông báo chiếc xe máy điện BKS 36MĐ1: 240.17 là xe do T trộm cắp mà có. Anh Q đã mua lại xe từ L và giao nộp chiếc xe cho cơ quan CSĐT Công an huyện S.

Ngày 19/5/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND huyện S đã định giá chiếc xe máy điện BKS 36MĐ1: 240.17 của chị M trị giá là 6.000.000đ.

Cơ quan CSĐT Công an huyện S đã trả lại chiếc xe máy điện cho chị M và chị M không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Đối với anh Lê Hòa T và anh Nguyễn Văn Q khi mua xe không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không xử lý đối với anh T và anh Q. Anh Q và anh T đã nhận lại tiền đầy đủ nên không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 10/CTr-KSĐT-KT ngày 07/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS; xử phạt Nguyễn Thị T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với báo cáo của người bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 4h30' ngày 13/5/2017, tại thôn T2, xã Y, huyện S, Nguyễn Thị T đã trộm cắp 01 xe máy điện BKS 36MĐ1: 240.17 của

chị Nguyễn Thị M trị giá là 6.000.000đ. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo như trên là có cơ sở và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tính chất vụ án: Bị cáo lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị anh chung, cần phải xử lý nghiêm minh.

Tuy nhiên, khi quyết định về hình phạt cần áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần TNHS cho bị cáo vì bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ TNHS trên thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội là chưa cần thiết mà cải tạo, giáo dục bị cáo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật sớm trở thành công dân có ích cho xã hội; căn cứ khoản 1, 2 Điều 60 BLHS.

Trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của người bị hại, tài sản bị bị cáo chiếm đoạt đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu gì thêm nên công nhận.

Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS. Điều 99 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho UBND xã Y, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Công nhận người bị hại đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Héi thÈm nh©n d©n **ThÈm ph¸n - chñ täa phiªn tßa**

Lê Thị Thủy Lê Hữu Hiền Lª ThÞ Thñy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Héi thÈm nh©n d©n **ThÈm ph¸n - chñ täa phiªn tßa**

Lê Thị Thủy **Lê Hữu Hiền** **Lª ThÞ Thñy**